

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc ban hành định dạng đề thi chuẩn đầu ra ngoại ngữ các ngành đào tạo, bậc đại học

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 709/QĐ-TTg ngày 26/08/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Ngoại ngữ thuộc Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân ban hành theo thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ công văn số 7274/BGDĐT-GDDH ngày 31 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện KH triển khai Đề án NN Quốc gia 2020 trong các cơ sở GDDH;

Căn cứ đề xuất của các khoa;

Xét đề nghị của Bà Trưởng phòng Đào tạo,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành định dạng đề thi chuẩn đầu ra ngoại ngữ các ngành đào tạo bậc đại học của Trường Đại học Ngoại ngữ- Đại học Đà Nẵng (có định dạng đề thi kèm theo)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành

**Điều 3.** Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Trưởng phòng CTSV, Trưởng phòng KH-TC, Trưởng phòng KT&ĐBCLGD, Trưởng các khoa và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/ *wha*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.



**HIỆU TRƯỞNG**

**TS. TRẦN HỮU PHÚC**

**ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI**  
**KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ CHUẨN ĐẦU RA CỦA SINH VIÊN HỆ CHÍNH**  
**QUY TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQG**  
**TIẾNG ANH**

TRÌNH ĐỘ: BẬC 2, BẬC 4 (A2, B2)

(Ban hành kèm theo quyết định số 7.22/QĐ-ĐHQG của Hiệu trưởng Trường ĐHQG- ĐHQG)

**A. CÁC MÔN THI:**

BẬC 2: Nói (25 điểm), Đọc-Viết (50 điểm), Nghe (25 điểm)

BẬC 4: Nghe (50 điểm), Nói (50 điểm), Đọc (50 điểm), Viết (50 điểm)

**B. CÁCH LÀM BÀI THI:** Làm bài thi trên giấy (Trừ môn Nói thi vấn đáp)

**C. ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI:**

| Môn thi,<br>Thời gian                                 | Định dạng đề thi                                                                                                                                                                                                                                           | Mục đích                                                                                                                                                                                                                     |
|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>BẬC 2</b>                                          |                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                              |
| <b>Môn Nghe</b><br>30 phút                            | - Trắc nghiệm (25 điểm)<br>Nội dung: Nghe và chọn phương án trả lời đúng...                                                                                                                                                                                | - Đánh giá khả năng nghe hiểu thông tin chọn lọc, hiểu nội dung chính và hiểu toàn bộ thông tin được nghe.                                                                                                                   |
| <b>Môn Nói</b>                                        | Gồm 3 phần: Thi theo cặp<br>- Phần 1: các câu hỏi cá nhân (5 điểm)<br>- Phần 2: Mỗi TS trình bày và trả lời câu hỏi về 1 bức tranh/ảnh (10 điểm)<br>- Phần 3: Hai TS thảo luận 1 bức tranh/ảnh (10 điểm)                                                   | - Đánh giá phản xạ nói và khả năng sử dụng kiến thức đã học để hỏi – đáp và diễn đạt các ý tưởng không phức tạp trong các tình huống giao tiếp thông thường.                                                                 |
| <b>Môn Đọc –<br/>Viết</b><br>90 phút                  | - Phần Đọc: 25 điểm (chọn tựa đề cho các đoạn văn tương ứng, đọc bài khóa và chọn phương án trả lời đúng...)<br><br>- Phần Viết: 2 bài<br>Bài 1: Dùng cấu trúc khác để viết lại câu (10 điểm)<br>Bài 2: Viết thư/email hoặc 1 bài kể theo chủ đề (15 điểm) | - Đánh giá khả năng hiểu toàn bộ bài đọc cũng như nắm bắt được nội dung chính hoặc 1 số thông tin chọn lọc của bài đọc.<br><br>- Đánh giá mức độ vận dụng từ vựng, các quy tắc và cấu trúc ngữ pháp để diễn đạt các ý tưởng. |
| Mỗi kỹ năng 25 điểm. Tổng điểm: 100. Điểm đạt: 60/100 |                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                              |

| Môn thi,<br>Thời gian                                         | Định dạng bài thi                                                                                                                                                                                                                                              | Mục đích                                                                                                                                                                       |
|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>BẬC 4</b>                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                |
| <b>Môn Nghe</b><br>40 phút                                    | Gồm 30 câu hỏi (nghe và chọn phương án đúng, điền từ...)                                                                                                                                                                                                       | - Đánh giá khả năng nghe hiểu thông tin chọn lọc, hiểu nội dung chính và hiểu toàn bộ thông tin được nghe.                                                                     |
| <b>Môn Nói</b>                                                | Ba phần: Thi theo cặp<br>- Phần 1: các câu hỏi cá nhân (10 điểm)<br>- Phần 2: Mỗi TS trình bày và trả lời câu hỏi về 1 bức tranh/ảnh (20 điểm)<br>- Phần 3: Hai TS thảo luận về 1 bức tranh/ảnh hoặc tình huống, chủ đề (20 điểm)                              | - Đánh giá phản xạ nói và khả năng sử dụng kiến thức đã học để diễn đạt các ý tưởng đa dạng trong các tình huống giao tiếp thông thường hoặc về các chủ đề đời sống, xã hội... |
| <b>Môn Đọc hiểu</b><br>60 phút                                | Gồm 25 câu hỏi<br>Phần 1: - Tìm tiêu đề phù hợp cho các đoạn văn hoặc bài đọc (10 điểm)<br>Phần 2: - Chọn các phương án trả lời đúng về nội dung bài đọc (20 điểm)<br>Phần 3: Đọc bài khóa và chọn các từ hoặc cụm từ phù hợp để điền vào chỗ trống. (20 điểm) | - Đánh giá mức độ hiểu nội dung chính đoạn văn hoặc bài đọc.<br>- Đánh giá mức độ hiểu chính xác thông tin chọn lọc hoặc thông tin toàn bài đọc.                               |
| <b>Môn Viết</b><br>80 phút                                    | Gồm 2 bài<br>Bài 1: Đọc 1 bài khóa và điền vào chỗ trống các từ hoặc cụm từ còn thiếu sao cho hợp nghĩa và đúng dạng thức ngữ pháp.<br>Bài 2: Viết 1 bài theo chủ đề (có thể ở dạng viết thư, viết luận, viết bài báo...)                                      | - Đánh giá khả năng lựa chọn từ hợp nghĩa và vận dụng tốt các quy tắc ngữ pháp.<br>- Đánh giá kỹ năng viết bài văn hoàn chỉnh.                                                 |
| <b>Mỗi kỹ năng 50 điểm. Tổng điểm: 200. Điểm đạt: 120/200</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                |

#### **D. ĐÁNH GIÁ:**

**BẬC 2:** Mỗi kỹ năng 25 điểm. Tổng điểm: 100. Điểm đạt: 60/100

#### **\* Tiêu chuẩn đánh giá chung :**

Có thể giao tiếp đơn giản, thực hiện các yêu cầu cơ bản và nắm bắt được thông tin khi giao tiếp trong các bối cảnh quen thuộc, trong các chủ đề đơn giản về đời sống hàng ngày.

#### **\* Tiêu chuẩn đánh giá cụ thể:**

1. Môn Nghe: Dạng thi: Trắc nghiệm. 20 câu, tối đa 25 điểm. Điểm liệt: 5 điểm

- Nghe các bài đọc thoại, hội thoại có độ khó phù hợp với trình độ A2, hiểu được chủ đề, nội dung chính, thông tin chọn lọc để trả lời các câu hỏi.

2. Môn Nói: Tối đa 25 điểm. Điểm liệt: 5 điểm

Phần 1: Thí sinh trả lời câu hỏi theo đúng yêu cầu, phản xạ tốt, ngữ âm tốt: 5 điểm

Phần 2: Thí sinh trình bày theo đúng yêu cầu của bài, sử dụng từ vựng và cấu trúc câu đúng, ngữ âm tốt: 10 điểm

Phần 3: Thí sinh biết nêu ý kiến, tán thành, phản bác, sử dụng từ vựng và cấu trúc câu đúng ngữ pháp, ngữ âm tốt: 10 điểm

3. Môn Đọc: Tối đa 25 điểm. Điểm liệt: 5 điểm

Đọc các bài đọc dưới dạng các quảng cáo, thông báo, biển báo, bài báo, bài khóa phù hợp với trình độ A2 và trả lời các câu hỏi nhằm đánh giá mức độ hiểu nội dung chính hoặc nắm bắt chính xác thông tin chọn lọc của bài đọc.

4. Môn Viết: Tối đa 25 điểm. Điểm liệt: 5 điểm

Đánh giá mức độ vận dụng từ vựng, các quy tắc và cấu trúc ngữ pháp phù hợp với trình độ A2 để viết lại các câu cho sẵn (10 câu – 15 điểm) và viết thư/email hoặc 1 bài kể đơn giản khoảng 10-12 câu (10 điểm)

**BẬC 4:** Mỗi kỹ năng 50 điểm. Tổng điểm: 200. Điểm đạt: 120/200

**\* Tiêu chuẩn đánh giá chung :**

Giao tiếp một cách tự nhiên và lưu loát. Có khả năng trình bày quan điểm về một vấn đề cũng như so sánh những ưu, nhược điểm. Có khả năng hiểu các ý chính trong văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể cũng như trừu tượng.

**\* Tiêu chuẩn đánh giá cụ thể:**

1. Môn Nghe: Dạng thi: Trắc nghiệm. 30 câu, tối đa 50 điểm. Điểm liệt: 10 điểm

Nghe các bài đọc thoại, hội thoại có độ khó phù hợp với trình độ B2, hiểu được chủ đề, nội dung chính toàn bài, các thông tin chọn lọc để trả lời các câu hỏi.

2. Môn Nói: Tối đa 50 điểm. Điểm liệt: 10 điểm

Phần 1: (10 điểm)

- Thí sinh đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi theo đúng yêu cầu, phản xạ tốt: 5 điểm

- Thí sinh hỏi và trả lời đúng ngữ pháp, ngữ âm tốt: 5 điểm

Phần 2 (20 điểm) Từng thí sinh bắt thăm tranh để miêu tả

- Thí sinh trình bày theo đúng yêu cầu của bài, sử dụng từ vựng và cấu trúc câu phong phú: 15 điểm

- Ngữ âm, ngữ điệu tốt, đúng ngữ pháp: 5 điểm

Phần 3 (20 điểm) Hai thí sinh thảo luận về tranh ảnh hoặc vấn đề được nêu trên phiếu thi

- Thí sinh nêu ý kiến và có những ý lập luận tốt, sử dụng từ vựng và cấu trúc câu đúng ngữ pháp, phong phú: 15 điểm

- Ngữ âm, ngữ điệu tốt: 5 điểm

3. Môn Đọc: Tối đa 50 điểm. Điểm liệt: 10 điểm

**ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI**  
**KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ CHUẨN ĐẦU RA CỦA SINH VIÊN HỆ CHÍNH**  
**QUY TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQĐ - HN**

**TIẾNG PHÁP - TRÌNH ĐỘ: BẠC 4**

(Áp dụng từ năm học 2015-2016)

(Kèm theo quyết định số: 728 /QĐ-ĐHNN ngày 17 tháng 9 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường ĐHQĐ - HN)

**A. CÁC MÔN THI:**

- Môn Đọc - Viết (Điểm tối đa: 50/100)
- Môn Nghe (Điểm tối đa: 25/100)
- Môn Nói (Điểm tối đa: 25/100)

**B. CÁCH LÀM BÀI THI:**

- Môn Đọc - Viết: hình thức thi làm bài trên giấy
- Môn Nghe: hình thức thi làm bài trên giấy
- Môn Nói: hình thức thi vấn đáp

**C. ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI:**

| Môn thi,<br>Thời gian      | Định dạng bài thi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mục đích                                                                                                                                                                            |
|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Môn<br>Đọc-Viết<br>120phút | <p><b>ĐỌC(25 điểm):</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Đọc một bài khoảng 500 – 600 từ lấy từ các bài báo và các báo cáo liên quan đến các vấn đề thời sự, trong đó tác giả thể hiện lập trường hoặc quan điểm cụ thể; từ các đoạn phỏng vấn hoặc các loại tài liệu có bao hàm ý kiến, lập luận và thảo luận; từ bản hướng dẫn dài, phức tạp trong lĩnh vực chuyên môn của mình, bao gồm các chi tiết về điều kiện và cảnh báo, với điều kiện được đọc lại các đoạn khó.</li><li>- Trả lời câu hỏi (dạng Đúng/Sai có chứng minh; trắc nghiệm ABCD hoặc câu trả lời ngắn; câu hỏi mở...); tóm tắt nhiều loại văn bản thực tế và hư cấu, có thể đưa ra nhận định, thảo luận về các quan điểm đối lập và các chủ đề chính.</li></ul> <p><b>VIẾT (25 điểm):</b> viết 1 bài luận từ 240 đến 260 từ theo 1 trong các dạng dưới đây:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Viết một bài luận hoặc một báo cáo, phát triển các lập</li></ul> | <p>Đánh giá khả năng đọc hiểu ngôn ngữ đích và nắm bắt được thông tin lập luận yêu cầu trong đề.</p> <p>Đánh giá khả năng diễn đạt viết bằng ngôn ngữ đích theo chủ đề yêu cầu.</p> |

|                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                 |
|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
|                               | <p>luận một cách hệ thống, nêu bật được những ý chính và có những minh họa phù hợp, có thể đánh giá các ý kiến khác nhau và các giải pháp cho một vấn đề.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết một bài luận hoặc một báo cáo phát triển một lập luận nào đó, nêu lý do tán thành hay phản đối một quan điểm nào đó và giải thích những ưu điểm và nhược điểm của các giải pháp khác nhau, có thể tổng hợp thông tin và lập luận từ nhiều nguồn khác nhau.</li> <li>- Viết thư từ giao dịch với các mức độ cảm xúc và thái độ, nêu được ý kiến cá nhân, trả lời và bình luận về ý kiến và quan điểm của người nhận thư.</li> </ul>                                                                                                                                                            |                                                                 |
| Môn Nghe<br>khoảng<br>30 phút | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài thi nghe hiểu gồm 2 hoặc 3 bài nghe (hội thoại hay độc thoại) có chủ đề cụ thể, bối cảnh giao tiếp quen thuộc và không quen thuộc trong cuộc sống cá nhân, xã hội, học tập hay nghề nghiệp khi được diễn đạt rõ ràng và bằng giọng chuẩn; các bài giảng, bài phát biểu, bài tường thuật và các dạng trình bày khác trong học thuật hay nghề nghiệp có sử dụng ngôn ngữ và ý tưởng phức tạp.</li> <li>- Câu hỏi dạng trắc nghiệm ABCD, Đúng/Sai, câu hỏi mở.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Đánh giá các kỹ năng nghe hiểu ngôn ngữ đích                    |
| Môn Nói<br>khoảng<br>20 phút  | <p>3 phần</p> <p>Thí sinh bốc thăm 1 chủ đề nói và có 15 phút chuẩn bị (không tính vào thời gian thi)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phần 1 (2 đến 3 phút): Giáo viên hỏi thí sinh một số câu về tiểu sử bản thân để đánh giá khả năng giao tiếp xã hội của thí sinh.</li> <li>- Phần 2 (5 phút): trình bày một cách rõ ràng bài thuyết trình đã được chuẩn bị, nêu được lý do ủng hộ hay phản đối một quan điểm cụ thể, đưa ra những lợi thế và bất lợi của những lựa chọn khác nhau, trong đó nhấn mạnh được những điểm chính và có chi tiết minh họa rõ ràng.</li> <li>- Phần 3 (10 đến 12 phút): Giáo viên và thí sinh hội thoại mở rộng thêm hoặc làm rõ về những vấn đề có liên quan đến bài thuyết trình vừa trình bày. Thí sinh phải lập luận để bảo vệ ý kiến của mình.</li> </ul> | Đánh giá các kỹ năng diễn đạt nói, tương tác bằng ngôn ngữ đích |

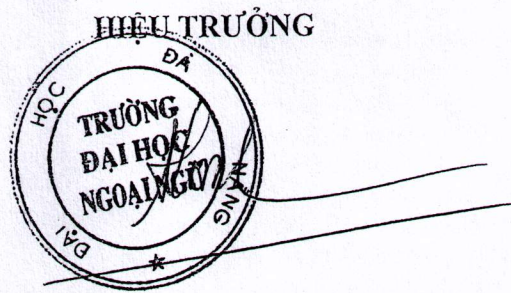
#### D. ĐÁNH GIÁ:

\* Tiêu chuẩn đánh giá chung :

- Có thể hiểu ý chính của một văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, kể cả những trao đổi kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn của bản thân.
- Có thể giao tiếp ở mức độ trôi chảy, tự nhiên với người bản ngữ.
- Có thể viết được các văn bản rõ ràng, chi tiết với nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau.

**\* Tiêu chuẩn đánh giá cụ thể:**

- Thí sinh phải thi đủ 3 bài thi Đọc-Viết, Nghe và Nói.
- Thí sinh đạt trình độ bậc 4 tiếng Pháp nếu có tổng điểm các môn thi từ 50/100 điểm và không có môn thi nào đạt điểm dưới 1/3 tổng điểm của môn thi đó. *Wd✓*



TS. TRẦN HỮU PHÚC



**ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI**  
**KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ CHUẨN ĐẦU RA CỦA SINH VIÊN HỆ**  
**CHÍNH QUY TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHN**  
**TIẾNG TRUNG**

**TRÌNH ĐỘ: BẬC 2 (A2)**

(Áp dụng từ năm học 2015 – 2016)

(Kèm theo quyết định số : 728/QĐ-ĐHN ngày 17 tháng 9 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường  
Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng)

**A. CÁC MÔN THI:**

MÔN NGHE (Điểm tối đa 20 điểm)

MÔN ĐỌC (Điểm tối đa 30 điểm)

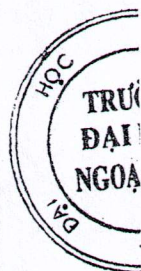
MÔN VIẾT (Điểm tối đa 30 điểm)

MÔN NÓI (Điểm tối đa 20 điểm)

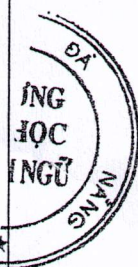
**B. CÁCH LÀM BÀI THI:** Các môn Nghe, Đọc, Viết thí sinh làm bài trên giấy; Môn Nói thí sinh vấn đáp.

**C. ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI:**

| Môn thi, Thời gian           | Định dạng bài thi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Mục đích                                                                                                                                                                                                                        |
|------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Môn ĐỌC, thời gian: 25 phút  | Bài thi gồm 25 câu trắc nghiệm khách quan, chia thành 04 phần khác nhau.<br>Phần 1: Tổng năm câu, mỗi câu đưa ra hai câu nói khác nhau. Xác định nội dung giữa hai câu có tương ứng hay không.<br>Phần 2: Tổng năm câu, chọn câu có nội dung tương ứng với bức tranh cho sẵn.<br>Phần 3: Tổng năm câu, chọn từ cho sẵn điền vào chỗ trống.<br>Phần 4: Tổng mười câu, mỗi cụm sẽ có hai câu tạo thành một đoạn hội thoại ngắn. Tìm nội dung thích hợp của đoạn hội thoại. | Đánh giá khả năng đọc hiểu tiếng Hoa đối với các câu biểu đạt ngắn và lượng từ vựng tương đối thông dụng của người học, trọng tâm xác định vào các điểm: nhân vật, sự vật, hành động, tính chất và ý nghĩa biểu đạt.            |
| Môn NGHE, thời gian: 25 phút | Bài thi gồm 35 câu trắc nghiệm khách quan, chia thành 04 phần khác nhau.<br>Phần 1: Tổng cộng 10 câu. Thí sinh nghe hai lượt một câu nói, căn cứ theo nội dung phán đoán bức tranh cho sẵn đúng hay sai.<br>Phần 2: Tổng cộng 10 câu. Thí                                                                                                                                                                                                                                | Đánh giá khả năng nghe hiểu tiếng Hoa trong tình huống một câu nói hoặc hội thoại ngắn (2 - 4 câu) của người học, trọng tâm xác định vào các điểm: thời gian, địa điểm, hành động và tính chất của tình huống hội thoại đưa ra. |



|                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|-------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                     | <p>sinh nghe hai lượt một đoạn hội thoại, căn cứ theo nội dung hội thoại chọn bức tranh thích hợp nhất.</p> <p>Phần 3: Tổng cộng 10 câu. Thí sinh nghe hai lượt một đoạn hội thoại, căn cứ theo nội dung hội thoại chọn đáp án chính xác nhất.</p> <p>Phần 4: Tổng cộng 5 câu. Thí sinh nghe hai lượt một đoạn hội thoại, căn cứ theo nội dung hội thoại chọn đáp án trả lời chính xác nhất.</p> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| <b>Môn VIẾT, thời gian: 40 phút</b> | <p>Bài thi gồm ba phần khác nhau.</p> <p>Phần 1 (16 câu): Ghép từ và ngữ cho trước thành một câu hoàn chỉnh.</p> <p>Phần 2: Viết đoạn văn ngắn với dữ liệu cho trước (20 đến 40 chữ; sử dụng hết các dữ liệu đã cho).</p> <p>Phần 3: Nhìn tranh viết đoạn văn ngắn (60 đến 80 chữ; sử dụng hết các dữ liệu đã cho) theo chủ điểm cho trước.</p>                                                  | <p>Đánh giá khả năng viết câu ngắn hoàn chỉnh tiếng Hoa trong ngữ cảnh giao tiếp thông thường nhất, trọng tâm xác định vào các điểm: vận dụng biểu đạt đúng ngữ pháp, ngữ nghĩa theo các điểm ngữ pháp và lượng từ vựng tương ứng với trình độ đánh giá.</p>                                                                                                                |
| <b>Môn NÓI, thời gian: 05 phút</b>  | <p>Đề thi gồm hai phần,</p> <p>Phần 1: Đọc một đoạn văn ngắn (khoảng 70 – 90 chữ Hán).</p> <p>Phần 2: Giám khảo và thí sinh tiến hành trao đổi một số thông tin như (sở thích, giáo dục, thời gian một hoạt động nào đó...) (số lượng câu hỏi 7 - 10 câu).</p>                                                                                                                                   | <p>Đánh giá khả năng phát âm của người học.</p> <p>Đánh giá khả năng tiến hành hội thoại và phản ứng giao tiếp tiếng Hoa trong ngữ cảnh giao tiếp thông thường nhất, trọng tâm xác định vào các điểm: vận dụng biểu đạt đúng ngữ pháp, ngữ nghĩa theo các điểm ngữ pháp và lượng từ vựng tương ứng với trình độ đánh giá và khả năng phản ứng kịp thời trong giao tiếp.</p> |



#### D. ĐÁNH GIÁ:

##### \* Tiêu chuẩn đánh giá chung:

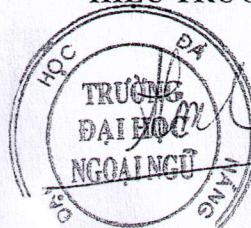
- Có thể vận dụng bốn kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết vào các tình huống giao tiếp ngôn ngữ trong các ngữ cảnh thông thường. (giới hạn tình huống giao tiếp theo Khung đánh giá Châu Âu).

- Lượng từ vựng từ 600 từ trở lên.

##### \* Tiêu chuẩn đánh giá cụ thể:

Đánh giá tổng điểm: Thí sinh bị điểm liệt của bất kì môn nào đều xếp loại không đạt. Tổng điểm đạt tối thiểu phải đạt 70/100 điểm. Không xét điểm cụ thể của từng môn. *whu*

HIỆU TRƯỞNG



**ĐÌNH DẠNG ĐỀ THI**  
**KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ CHUẨN ĐẦU RA CỦA SINH VIÊN HỆ**  
**CHÍNH QUY TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQĐ**  
**TIẾNG TRUNG**

**TRÌNH ĐỘ: BẬC 4 (B2)**

(Áp dụng từ năm học 2015 – 2016)

(Kèm theo quyết định số : 728 /QĐ-ĐHNN ngày 17 tháng 9 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng)

**A. CÁC MÔN THI:**

MÔN NGHE (Điểm tối đa 50 điểm)

MÔN ĐỌC (Điểm tối đa 50 điểm)

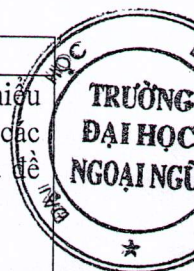
MÔN VIẾT (Điểm tối đa 50 điểm)

MÔN NÓI (Điểm tối đa 50 điểm)

**B. CÁCH LÀM BÀI THI:** Các môn Nghe, Đọc, Viết thí sinh làm bài trên giấy; Môn Nói thi vấn đáp.

**C. ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI:**

| Môn thi, Thời gian           | Định dạng bài thi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mục đích                                                                                     |
|------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|
| Môn ĐỌC, thời gian: 40 phút  | Bài thi gồm 40 câu trắc nghiệm khách quan, chia thành 03 phần khác nhau.<br>Phần 1: Tổng năm câu, mỗi cụm năm câu. Thí sinh căn cứ trên lượng từ cho sẵn (6 từ) chọn từ điền vào ô trống.<br>Phần 2: Tổng hai mươi câu, gồm nhiều đoạn văn ngắn khác nhau. Sau mỗi đoạn văn ngắn sẽ có một vài câu hỏi và bốn đáp án cho sẵn. Thí sinh chọn đáp án chính xác nhất.<br>Phần 3: Tổng mười câu. Trên cơ sở ba ngữ đoạn cho sẵn, sắp xếp thành câu hoàn chỉnh. | Đánh giá kỹ năng đọc hiểu ngôn ngữ và nắm bắt các thông tin theo yêu cầu của đề thi          |
| Môn NGHE, thời gian: 25 phút | Bài thi gồm 49 câu trắc nghiệm khách quan, chia thành 03 phần khác nhau.<br>Phần 1: Tổng cộng 10 câu. Thí sinh nghe một đoạn văn ngắn. Một nhân vật khác sẽ đưa ra một nội dung có liên quan đến nội dung của đoạn văn. Thí                                                                                                                                                                                                                                | Đánh giá khả năng nghe hiểu ngôn ngữ đích và nắm bắt được thông tin theo yêu cầu của đề thi. |



| Môn thi,<br>Thời gian    | Định dạng đề thi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Mục đích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Môn NGHE<br>30-35 phút   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- 3 bài nghe</li> <li>- Nghe điền từ hoặc cụm từ bị khuyết vào chỗ trống</li> <li>- Nghe và trả lời các câu hỏi có đáp án chọn lựa</li> <li>- Nghe và trả lời câu hỏi (không có đáp án chọn lựa)</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                              | Đánh giá kỹ năng nghe hiểu nội dung những chủ đề mang tính thời sự trong thực tế cuộc sống                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| Môn ĐỌC-VIẾT<br>100 phút | <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Điền loại từ của các danh từ</li> <li>2. Chọn câu trả lời đúng nhất: kiến thức về<br/>อักษรควบแท้, อักษรนำ, เสียงวรรณยุกต์, ตัวสะกด,<br/>คำเป็น, คำตาย, กลุ่มคำ, ประโยค, ส่วนขยาย, กรรม</li> <li>3. Điền vào chỗ trống với các từ được cho sẵn</li> <li>4. Đọc một bài khóa và trả lời câu hỏi có đáp án chọn lựa</li> <li>5. Viết luận : viết một đoạn văn theo chủ đề (tối thiểu 20 dòng), có bố cục trình bày đúng, nội dung viết tập trung vào chủ đề.</li> </ol> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá xâu chuỗi toàn bộ kiến thức về từ vựng, ngữ pháp tiếng Thái ở cấp độ trung cấp.</li> <li>- Đánh giá kỹ năng đọc hiểu, phân tích nhận định các vấn đề về môi trường, kinh tế, xã hội...</li> <li>- Đánh giá kỹ năng viết diễn đạt ý nhất quán, kỹ năng trình bày văn bản có bố cục đúng và rõ ràng.</li> </ul> |
| Môn NÓI<br>2-5 phút      | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nói theo chủ đề</li> <li>+ Trả lời các câu hỏi tình huống xoay quanh chủ đề được chọn.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá kỹ năng nói đối với những chủ đề về giáo dục, kinh tế, môi trường, xã hội...</li> <li>- Đánh giá kỹ năng trả lời câu hỏi đúng trọng tâm trên cơ sở phân tích nhận định đúng các vấn đề cần giải quyết.</li> </ul>                                                                                             |

#### D. ĐÁNH GIÁ:

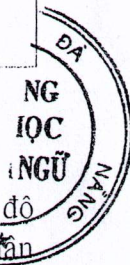
##### \* Tiêu chuẩn đánh giá chung :

-Đánh giá đồng bộ tất cả các kỹ năng, kiến thức về từ vựng ngữ pháp ở cấp độ trung cấp. Chủ điểm là những đề tài mang tính thời sự. Đánh giá nhận định, khả năng phân tích và cách đề xuất hướng giải quyết vấn đề của thí sinh.

##### \* Tiêu chuẩn đánh giá cụ thể:

Tổng điểm : 100.

Điểm đạt : 50/100 (không có điểm liệt) *uu/*



HIỆU TRƯỞNG



TS. TRẦN HỮU PHÚC

**ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI**  
**KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ CHUẨN ĐẦU RA CỦA SINH VIÊN**  
**HỆ CHÍNH QUY TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHN**  
**TIẾNG HÁN QUỐC**  
**TRÌNH ĐỘ: BẬC 2 (A2)**  
(Ban hành kèm theo quyết định số. 728 /QĐ-ĐHNN của Hiệu trưởng  
Trường ĐHN- ĐHN)

**A. CÁC MÔN THI:**

- Môn Nghe (Điểm tối đa: 50 điểm)
- Môn Đọc (Điểm tối đa: 50 điểm)
- Môn Viết (Điểm tối đa: 50 điểm)
- Môn Từ vựng – Ngữ pháp (Điểm tối đa: 50 điểm)
- Môn Nói (Điểm tối đa: 50 điểm)

**B. CÁCH LÀM BÀI THI:**

- Môn Nghe: làm bài trên giấy - trắc nghiệm, tự luận
- Môn Đọc-Viết : làm bài trên giấy - trắc nghiệm, tự luận
- Môn Nói: vấn đáp

**C. ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI**



| Môn thi,<br>Thời gian                | Định dạng bài thi                                                                                                                                             | Mục đích                                                                                                                                                        |
|--------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Môn Nghe<br>30 phút                  | - Chọn phương án trả lời đúng :<br>20 câu trắc nghiệm                                                                                                         | Đánh giá khả năng nghe hiểu ngôn ngữ đích và nắm bắt được thông tin yêu cầu trong đề .                                                                          |
| Môn Đọc<br>30 phút                   | - Chọn phương án trả lời đúng :<br>20 câu trắc nghiệm                                                                                                         | Đánh giá các kỹ năng đọc hiểu ngôn ngữ đích và nắm bắt được thông tin yêu cầu trong đề.                                                                         |
| Môn Từ vựng<br>– ngữ pháp<br>30 phút | - Chọn phương án trả lời đúng :<br>20 câu trắc nghiệm                                                                                                         | Đánh giá các kỹ năng nhận biết câu đúng.<br>Kiểm tra khả năng sử dụng từ và cấu trúc ngữ pháp phù hợp trong tình huống.                                         |
| Môn Viết<br>40 phút                  | Nội dung: 11 câu<br>- 4 câu tự luận (ngắn và dài)<br>- 7 câu trắc nghiệm                                                                                      | Đánh giá kĩ năng viết câu đúng theo tình huống cho sẵn.<br>Kiểm tra khả năng sử dụng từ và cấu trúc ngữ pháp nhằm diễn đạt nội dung yêu cầu bằng ngôn ngữ đích. |
| Môn Nói<br>3-5 phút                  | Nội dung : 2 phần<br>+ Phần 1: Các câu hỏi liên quan đến cá nhân<br>+ Phần 2: Mỗi TS trả lời các câu hỏi liên quan về 1 bức tranh hay 1 chủ đề được bốc thăm. | Đánh giá khả năng nghe hiểu ngôn ngữ đích và nắm bắt được thông tin yêu cầu trong đề .                                                                          |

#### D. ĐÁNH GIÁ:

##### \* Tiêu chuẩn đánh giá chung :

- Có thể sử dụng các từ vựng, mẫu ngữ pháp, mẫu câu áp dụng trong các tình huống giao tiếp ở cơ quan công cộng như ‘bưu điện, ngân hàng,...’ và trong đời sống hàng ngày như ‘gọi điện thoại, nhờ vả,...’.

- Có thể hiểu và sử dụng được khoảng 1,500~2,000 từ vựng, các mẫu ngữ pháp vào các đoạn văn liên quan đến chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hằng ngày.

- Có thể sử dụng kiến thức đã học để phân biệt cách dùng từ, ngữ pháp, mẫu câu theo ngôn ngữ chính thống và ngôn ngữ không chính thống.

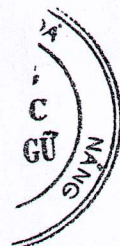
##### \* Tiêu chuẩn đánh giá cụ thể:

- Mỗi kỹ năng 50 điểm.
- Tổng điểm tối đa : 250 điểm.
- Điểm đạt : Từ 125 điểm trở lên. (125/250)
- Điểm liệt : không có. *ul*

HIỆU TRƯỞNG



TS. TRẦN HỮU PHÚC



**ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI**  
**KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ CHUẨN ĐẦU RA CỦA SINH VIÊN**  
**HỆ CHÍNH QUY TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHNN**  
**TIẾNG HÁN QUỐC**  
**TRÌNH ĐỘ: BẬC 4 (B2)**  
(Ban hành kèm theo quyết định số. 728/QĐ-ĐHNN của Hiệu trưởng  
Trường ĐHNN- ĐHNN)

**A. CÁC MÔN THI:**

- Môn Nghe (Điểm tối đa: 50 điểm)
- Môn Đọc (Điểm tối đa: 50 điểm)
- Môn Viết (Điểm tối đa: 50 điểm)
- Môn Từ vựng – Ngữ pháp (Điểm tối đa: 50 điểm)
- Môn Nói (Điểm tối đa: 50 điểm)

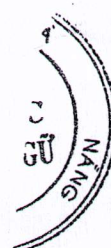
**B. CÁCH LÀM BÀI THI:**

- Môn Nghe: làm bài trên giấy - trắc nghiệm, tự luận
- Môn Đọc-Viết : làm bài trên giấy - trắc nghiệm, tự luận
- Môn Nói: vấn đáp

**C. ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI**



| Môn thi,<br>Thời gian                | Định dạng bài thi                                                                                                                                             | Mục đích                                                                                                                                                        |
|--------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Môn Nghe<br>30 phút                  | - Chọn phương án trả lời đúng :<br>20 câu trắc nghiệm                                                                                                         | Đánh giá khả năng nghe hiểu ngôn ngữ đích và nắm bắt được thông tin yêu cầu trong đề .                                                                          |
| Môn Đọc<br>30 phút                   | - Chọn phương án trả lời đúng :<br>20 câu trắc nghiệm                                                                                                         | Đánh giá các kỹ năng đọc hiểu ngôn ngữ đích và nắm bắt được thông tin yêu cầu trong đề.                                                                         |
| Môn Từ vựng<br>– ngữ pháp<br>30 phút | - Chọn phương án trả lời đúng :<br>20 câu trắc nghiệm                                                                                                         | Đánh giá các kỹ năng nhận biết câu đúng.<br>Kiểm tra khả năng sử dụng từ và cấu trúc ngữ pháp phù hợp trong tình huống.                                         |
| Môn Viết<br>40 phút                  | Nội dung: 11 câu<br>- 4 câu tự luận (ngắn và dài)<br>- 7 câu trắc nghiệm                                                                                      | Đánh giá kĩ năng viết câu đúng theo tình huống cho sẵn.<br>Kiểm tra khả năng sử dụng từ và cấu trúc ngữ pháp nhằm diễn đạt nội dung yêu cầu bằng ngôn ngữ đích. |
| Môn Nói<br>3-5 phút                  | Nội dung : 2 phần<br>+ Phần 1: Các câu hỏi liên quan đến cá nhân<br>+ Phần 2: Mỗi TS trả lời các câu hỏi liên quan về 1 bức tranh hay 1 chủ đề được bốc thăm. | Đánh giá khả năng nghe hiểu ngôn ngữ đích và nắm bắt được thông tin yêu cầu trong đề .                                                                          |



#### D. ĐÁNH GIÁ:

##### \* Tiêu chuẩn đánh giá chung :

- Có thể dùng các từ vựng, mẫu ngữ pháp, mẫu câu cần thiết để sử dụng các phương tiện công cộng hoặc duy trì các quan hệ cá nhân, đồng thời có thể sử dụng thành thạo cho các tình huống giao tiếp trong đời sống và trong công việc.
- Có thể hiểu được các nội dung về 'tin tức, báo chí,...'; hiểu, sử dụng chính xác và lưu loát các nội dung mang tính xã hội và các khái niệm trừu tượng.
- Có thể hiểu và sử dụng được các kiến thức mang tính văn hóa xã hội trên nền tảng các biểu hiện về dụng ngữ và các nét văn hóa tiêu biểu của Hàn Quốc.

##### \* Tiêu chuẩn đánh giá cụ thể:

- Mỗi kỹ năng 50 điểm.
- Tổng điểm tối đa : 250 điểm.
- Điểm đạt : Từ 125 điểm trở lên. (125/250)
- Điểm liệt : không có.



HIỆU TRƯỞNG

TS. TRẦN HỮU PHÚC

**ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI**  
**KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ CHUẨN ĐẦU RA CỦA SINH VIÊN**  
**HỆ CHÍNH QUY TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHNN**  
**TIẾNG NHẬT**

**TRÌNH ĐỘ: BẬC 4 (B2)**

(Áp dụng từ năm học 2015 - 2016)

(Kèm theo quyết định số: 728/.../QĐ-ĐHNN ngày 17 tháng 9 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHNN)

**A. CÁC MÔN THI**

- Môn Nghe (Điểm tối đa: 25 điểm)
- Môn Nói (Điểm tối đa: 25 điểm)
- Môn Đọc-Viết (Điểm tối đa: 50 điểm)

**B. CÁCH LÀM BÀI THI**

- Môn Nghe : trắc nghiệm
- Môn Nói : vấn đáp
- Môn Đọc-Viết : trắc nghiệm, tự luận

**C. ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI**

| Môn thi,<br>Thời gian         | Định dạng bài thi                                                                                                                                                                   | Mục đích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Môn NGHE<br>35 phút           | + 25 câu trắc nghiệm<br>*25 câu trắc nghiệm x 1 điểm = 25 điểm                                                                                                                      | <ul style="list-style-type: none"><li>- Có thể nghe hiểu các chủ đề quen thuộc và không quen thuộc trong cuộc sống cá nhân, xã hội, học tập hay nghề nghiệp</li><li>- Có thể nghe hiểu ý chính của các bài nói phức tạp cả về nội dung và ngôn ngữ, về các vấn đề cụ thể hay trừu tượng</li><li>- Có thể theo dõi được bài nói dài cũng như các lập luận phức tạp về các chủ đề quen thuộc</li></ul> |
| Môn NÓI<br>5 phút/1 sinh viên | + Nói theo 1 chủ đề trong vòng 3 phút<br>+ Trả lời 2 câu hỏi tình huống, đưa ra ý kiến và quan điểm của người nói<br>*Nói theo chủ đề 15 điểm + trả lời 2 câu hỏi 10 điểm = 25 điểm | <ul style="list-style-type: none"><li>- Có thể giao tiếp độc lập về nhiều chủ đề, có lập luận và cấu trúc mạch lạc, kết nối giữa các ý trong trình bày, sử dụng ngôn từ trôi chảy, chính xác.</li><li>- Có thể trình bày và bảo vệ quan điểm của mình một cách rõ ràng bằng lập luận chặt chẽ và phù hợp</li></ul>                                                                                   |
|                               | + 15 câu trắc nghiệm Từ vựng, Kanji<br>+ 10 câu trắc nghiệm bài đọc (bài đọc                                                                                                        | <ul style="list-style-type: none"><li>- Có thể đọc một cách độc lập, có khả năng điều chỉnh cách đọc và tốc độ</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                             |



|                           |                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                             |
|---------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Môn ĐỌC – VIẾT<br>90 phút | ngắn, bài đọc dài)<br>+ 10 câu trắc nghiệm Ngữ pháp<br>+ 1 bài luận 450 chữ<br>*35 câu trắc nghiệm x 1 điểm + bài luận 15 điểm = 50 điểm | đọc theo từng dạng văn bản. có một lượng lớn từ vựng chủ động phục vụ quá trình đọc<br>- Có thể viết bài chi tiết, rõ ràng về nhiều chủ đề quan tâm khác nhau, đưa ra những thông tin và lập luận từ một số nguồn khác nhau |
|---------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

#### D. ĐÁNH GIÁ

- Tiêu chuẩn đánh giá chung:
  - Có kiến thức về từ vựng, mẫu ngữ pháp tiếng Nhật ở trình độ trung cấp.
  - Thông qua các hoạt động đọc-nghe-nói, có thể vận dụng các kiến thức đó để giao tiếp ở mức độ trôi chảy, tự nhiên với người bản ngữ trong các tình huống giao tiếp hàng ngày
  - Có thể hiểu ý chính của một văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, kể cả những trao đổi kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn của bản thân
  - Có thể viết được các văn bản rõ ràng, chi tiết với nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau.
- Tiêu chuẩn đánh giá cụ thể:  
Điểm đạt: 60 điểm/100 điểm  
Điểm liệt: không có. *nhu*

HIỆU TRƯỞNG



TS. TRẦN HỮU PHÚC

ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI  
KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ CHUẨN ĐẦU RA CỦA SINH VIÊN  
HỆ CHÍNH QUY TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHNN  
TIẾNG NHẬT

TRÌNH ĐỘ: BẬC 2 (A2)

(Áp dụng từ năm học 2015 - 2016)

(Kèm theo quyết định số: ...../QĐ-ĐHNN ngày .... tháng .... năm 2015 của Hiệu trưởng  
Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHNN)

A. CÁC MÔN THI

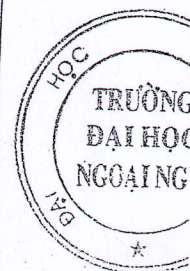
- Môn Nghe (Điểm tối đa: 25 điểm)
- Môn Nói (Điểm tối đa: 25 điểm)
- Môn Đọc-Viết (Điểm tối đa: 50 điểm)

B. CÁCH LÀM BÀI THI

- Môn Nghe : trắc nghiệm
- Môn Nói : vấn đáp
- Môn Đọc-Viết : trắc nghiệm, tự luận

C. ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI

| Môn thi,<br>Thời gian         | Định dạng bài thi                                                                                                                                                                                                     | Mục đích                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Môn NGHE<br>25 phút           | + 25 câu trắc nghiệm<br>*25 câu trắc nghiệm x 1 điểm = 25 điểm                                                                                                                                                        | <ul style="list-style-type: none"><li>- Có thể hiểu những cụm từ và cách diễn đạt liên quan tới nhu cầu thiết yếu hàng ngày (về gia đình, bản thân, mua sắm, nơi ở, học tập và làm việc...) khi được diễn đạt chậm và rõ ràng</li><li>- Có thể hiểu được ý chính trong các giao dịch quen thuộc hàng ngày</li></ul> |
| Môn NÓI<br>3 phút/1 sinh viên | + Tự giới thiệu về bản thân, gia đình<br>+ Trả lời 3 câu hỏi về các chủ đề quen thuộc trong giao tiếp hàng ngày<br>*Tự giới thiệu 10 điểm + trả lời 3 câu hỏi 15 điểm = 25 điểm                                       | <ul style="list-style-type: none"><li>- Có thể giao tiếp một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề quen thuộc hàng ngày liên quan đến công việc và thời gian rảnh rỗi.</li><li>- Có thể truyền đạt quan điểm, nhận định của mình trong các tình huống xã hội đơn giản, ngắn gọn.</li></ul>                       |
| Môn ĐỌC – VIẾT<br>60 phút     | + 15 câu trắc nghiệm Từ vựng, Kanji<br>+ 10 câu trắc nghiệm bài đọc (bài đọc ngắn, bài đọc dài)<br>+ 10 câu trắc nghiệm Ngữ pháp<br>+ 1 bài luận 200 chữ<br>*35 câu trắc nghiệm x 1 điểm + bài luận 15 điểm = 50 điểm | <ul style="list-style-type: none"><li>- Có thể hiểu các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các vấn đề quen thuộc và cụ thể, có thể sử dụng những từ thường gặp trong công việc hoặc đời sống hàng ngày.</li><li>- Có thể viết các mệnh đề, câu đơn giản và nối với nhau bằng các liên từ như: và, nhưng, vì</li></ul> |



#### D. ĐÁNH GIÁ:

\* Tiêu chuẩn đánh giá chung :

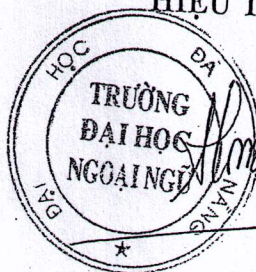
- Có kiến thức về từ vựng, mẫu ngữ pháp Tiếng Nhật ở trình độ sơ cấp.
- Thông qua các hoạt động đọc-nghe-nói, có thể vận dụng các kiến thức đó trong các tình huống giao tiếp thực tế hằng ngày như : các thông tin về gia đình, bản thân, đi mua hàng, hỏi đường, việc làm).
- Có thể trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày. Có thể mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu.

\* Tiêu chuẩn đánh giá cụ thể:

Điểm đạt : 60 điểm / 100 điểm

Điểm liệt : không có

HIỆU TRƯỞNG



TS. TRẦN HỮU PHÚC

